

Bảng Phân tích Nhu cầu Tài chính

I. Thông tin Khách hàng:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN A Ngày sinh: 01/01/1994
Giới tính: Nam Nữ
Tình trạng hôn nhân: Độc thân Đã kết hôn Ly hôn Góa

II. Thông tin tài chính:

Bảng phân tích này nhằm mục đích nhận diện nhu cầu tài chính và nhu cầu bảo hiểm dựa trên khả năng tài chính của Quý khách, là cơ sở để Chubb Life cung cấp giải pháp tài chính phù hợp trong danh mục sản phẩm của Công ty.

Quý khách vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây dựa trên khả năng và nhu cầu tài chính của mình.

NHU CẦU TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nhu cầu Khách hàng quan tâm	SỐ TIỀN CẦN CÓ (1)	SỐ TIỀN ĐÃ CÓ (2)	KHOẢN THIẾU HỤT (1)-(2)
Bảo vệ tài chính				
Rủi ro Tử vong, Tai nạn, thương tật	<input checked="" type="checkbox"/>	1.500		1.500
Bệnh nan y	<input checked="" type="checkbox"/>	500		500
Tiết kiệm/Tích lũy				
Kế hoạch học vấn cho con	<input type="checkbox"/>			0
Kế hoạch tuổi hưu an nhàn	<input type="checkbox"/>			0
Đầu tư				
Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo	<input checked="" type="checkbox"/>	500		500
Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo	<input type="checkbox"/>			0
Nhu cầu khác	<input type="checkbox"/>			0
Tổng cộng		2.500	0	2.500

KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Thông tin thu nhập (1)		Thông tin chi phí (2)	
Thu nhập bình quân hàng tháng của gia đình	100	Chi phí bình quân hàng tháng của gia đình	40
Thu nhập bình quân hàng năm của gia đình	1.200	Chi phí bình quân hàng năm của gia đình	480
Khả năng tài chính = Thu nhập – Chi phí		720	

III. Xác nhận của khách hàng:

- Tôi hiểu rõ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này chỉ nhằm mục đích giúp tôi nhận diện nhu cầu và mục tiêu tài chính. Thông tin này chỉ mang tính chất tham khảo và đây không phải là một văn bản mang tính kết luận. Bảng phân tích nhu cầu tài chính này được hoàn thành dựa trên các thông tin do tôi cung cấp.
- Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc lựa chọn sản phẩm bảo hiểm/kế hoạch bảo hiểm tham gia và/hoặc việc thay đổi về các giải pháp bảo hiểm trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nộp về Công ty, nếu có.

Ngày Tháng Năm	Chữ ký	Họ tên
Khách hàng		NGUYỄN VĂN A

Ngày Tháng Năm	Mã số	Họ tên
Đại diện Kinh doanh		

Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

Kế hoạch Tài chính Tương lai

Kế hoạch Tài chính Tương lai là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế theo nhu cầu riêng của Quý khách với quyền lợi bảo hiểm đa dạng, quyền lợi đầu tư an toàn và phương thức đóng phí bảo hiểm chủ động, linh hoạt.



Bảo vệ trẻ với **14 Bệnh Nan Y** trẻ em chuyên biệt



Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng **mở rộng** bảo vệ trẻ từ **0 tuổi**



Bảo vệ **2 Người** được **Bảo hiểm** trên một hợp đồng



Tài khoản Tích lũy với **0% chi phí phát sinh** mang đến hiệu quả đầu tư và sự linh hoạt cao nhất



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”)

hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh.

Vốn điều lệ hơn 1.384 tỷ đồng.



Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Thông tin liên hệ

Điện thoại: (84-28) 3827 8989

Hotline: (84-28) 3827 8123

Fax: (84-28) 3821 9000

E-mail: chubblife.vietnam@chubb.com

Website: <https://life.chubb.com/vn>

Thông tin Đại diện kinh doanh (ĐDKD):

Họ và Tên:

Mã số ĐKKD:

Chứng chỉ Đại lý Bảo hiểm Cơ bản:

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua Bảo hiểm (BMBH)	NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1994	30	2
Người được Bảo hiểm (NĐBH) 1	NGUYỄN VĂN B	NAM	01/01/2020	4	2
Người được Bảo hiểm (NĐBH) 2	NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1994	30	2

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) THAM GIA

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm Bảo hiểm chính: Kế hoạch Tài chính Tương lai Quyền lợi 25 - Lựa chọn A		NĐBH	Điều kiện Bảo hiểm (*)	Mệnh giá Bảo hiểm (MGBH)	Tuổi NĐBH khi đáo hạn	Phí Bảo hiểm (Phí BH) cơ bản (**)
1	QLBH Cơ bản	1	S/S	500.000.000	25	5.260.000
2	QLBH Tử vong hoặc Tàn tật do Tai nạn Mở rộng	1	S/S	500.000.000	25	1.590.000
3	QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	1	S/S	500.000.000	25	685.200
4	QLBH Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng	1	S/S	200.000	25	1.477.200
5	QLBH theo Mức độ cho Bệnh Nan Y	1	S/S	500.000.000	25	5.210.000
6	QLBH Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng	2	S/S	200.000	51	398.400
7	QLBH khi Người giám hộ Tử vong	2	S/S		51	5.337.200
8	QLBH khi Người giám hộ bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc mắc Bệnh Nan Y	2	S/S		51	4.264.400

Tổng cộng: 24.222.400

 Năm Nửa năm Quý

Sản phẩm Bảo hiểm chính

Phí BH đóng theo kỳ (1):	24.222.400	12.111.200	6.055.600
Phí BH đóng thêm (dự kiến) (2):	11.777.600	5.888.800	2.944.400
Phí BH dự kiến theo kỳ (3 = 1 + 2):	36.000.000	18.000.000	9.000.000
Thời gian đóng phí (dự kiến):	18 năm		
Tổng Phí BH đóng theo kỳ	24.222.400	12.111.200	6.055.600

Ghi chú:

- (*) Điều kiện Bảo hiểm: S/S là điều kiện bảo hiểm chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
- (**) Phí BH cơ bản bao gồm Phí Bảo hiểm cơ bản của Quyền lợi Bảo hiểm Cơ bản và Phí Bảo hiểm cơ bản của (các) Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng (nếu có). Bên mua Bảo hiểm phải đóng Phí Bảo hiểm cơ bản đầy đủ và đúng hạn trong ba (03) Năm hợp đồng đầu tiên.
- ❖ Thời hạn đóng Phí bảo hiểm: BMBH phải đóng đầy đủ và đúng hạn Phí Bảo hiểm cơ bản cho mỗi năm trong **03 Năm hợp đồng đầu tiên** và có thể đóng phí linh hoạt từ năm thứ tư (04) trở đi cho đến khi kết thúc **Thời gian đóng phí dự kiến** hoặc **Thời hạn Hợp đồng Bảo hiểm**, nhưng phải đảm bảo Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng hàng tháng để Hợp đồng Bảo hiểm (HDBH) duy trì hiệu lực.
- ❖ Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm chính, các Sản phẩm Bảo hiểm bổ sung và các biểu mẫu, tài liệu liên quan đến sản phẩm được đăng tải tại website:
- o Sản phẩm Bảo hiểm chính Kế hoạch Tài chính Tương lai: <https://www.chubb.com/vn-vn/personal/premier-youth-universal-life.html>

Quý khách vui lòng truy cập theo các đường dẫn nêu trên để tìm hiểu và tham khảo các thông tin chi tiết. Trường hợp cần hỗ trợ và/hoặc giải đáp các thắc mắc, Quý khách vui lòng liên hệ với Chubb Life theo các thông tin nêu tại trang 4 của tài liệu này.

III. GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH)**SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH**

A. Quyền lợi Bảo hiểm	Sự kiện Bảo hiểm	Số tiền Bảo hiểm (đồng)
Người được Bảo hiểm 1		
QLBH Cơ bản	Tử vong	500.000.000 hoặc Giá trị Tài khoản Cơ bản (lấy giá trị nào lớn hơn), cộng với Giá trị Tài khoản Tích lũy
Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng		
QLBH Tử vong hoặc Tàn tật do Tai nạn Mở rộng	Chấn thương nội tạng, xương khớp, bồng hoặc tàn tật do tai nạn	% của 500.000.000 tùy theo tỷ lệ thương tật
	Tử vong do Tai nạn khi đang du lịch nước ngoài do công ty du lịch của Việt Nam tổ chức	1.500.000.000
	Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên phương tiện vận chuyển công cộng	1.000.000.000
	Tử vong do tai nạn	500.000.000
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	500.000.000
QLBH Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng	Nằm viện điều trị	<ul style="list-style-type: none">• 200.000/ Ngày nằm viện do Bệnh• 300.000/ Ngày nằm viện do Tai nạn• 400.000/ Ngày nằm viện điều trị tại Khoa Hồi sức tích cực Và, nhận thêm lên đến 4.000.000 đồng nếu có Phẫu thuật
QLBH theo Mức độ cho Bệnh Nan Y	Mắc Bệnh Nan Y trẻ em (trước khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm)	500.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 1 (sau khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm trở lên)	150.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 2 (sau khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm trở lên)	300.000.000 + Miễn khấu trừ Phí BH rủi ro của QLBH này
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 3 (sau khi NĐBH 1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm trở lên)	500.000.000

Người được Bảo hiểm 2		
QLBH khi Người giám hộ Tử vong	Tử vong	<ul style="list-style-type: none"> Miễn toàn bộ Khoản Khấu trừ hàng tháng của HĐBH cho đến khi NĐBH1 đạt 25 tuổi 50.000.000 được cộng vào Giá trị Tài khoản Tích lũy theo định kỳ hàng năm cho đến khi NĐBH1 đạt 25 tuổi. Tổng số tiền chi trả tối đa không vượt quá 500.000.000
QLBH khi Người giám hộ bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc mắc Bệnh Nan Y	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 3	<ul style="list-style-type: none"> Miễn toàn bộ Khoản Khấu trừ hàng tháng của HĐBH cho đến khi NĐBH1 đạt 25 tuổi 50.000.000 được cộng vào Giá trị Tài khoản Tích lũy theo định kỳ hàng năm cho đến khi NĐBH1 đạt 25 tuổi. Tổng số tiền chi trả tối đa không vượt quá 500.000.000
QLBH Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng	Nằm viện điều trị	<ul style="list-style-type: none"> 200.000/ Ngày nằm viện do Bệnh 300.000/ Ngày nằm viện do Tai nạn 400.000/ Ngày nằm viện điều trị tại Khoa Hồi sức tích cực Và, nhận thêm lên đến 4.000.000 đồng nếu có Phẫu thuật
B. Quyền lợi Đầu tư	Thời điểm chi trả	Số tiền chi trả (đồng)
Quyền lợi Đầu tư⁽¹⁾	Hàng tháng	BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHĐ dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố nhưng không thấp hơn mức Lãi suất đảm bảo tại thời điểm chi trả.
C. Quyền lợi khác	Thời điểm chi trả	Số tiền chi trả (đồng)
Quyền lợi Duy trì Hợp đồng⁽²⁾	Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 04 và mỗi 04 Năm hợp đồng sau đó	10% tổng các khoản lãi đã tính cho Giá trị Tài khoản Cơ bản và Giá trị Tài khoản Tích lũy trong 04 Năm hợp đồng trước đó
Quyền lợi Duy trì Hợp đồng Đặc biệt⁽³⁾	Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 10 và của Năm hợp đồng thứ 20	<ul style="list-style-type: none"> Ngày đáo niên Năm hợp đồng thứ 10: 20% Phí BH cơ bản của QLBH Cơ bản tại cuối Năm hợp đồng đầu tiên Ngày đáo niên Năm hợp đồng thứ 20: 50% Phí BH cơ bản của QLBH Cơ bản tại cuối Năm hợp đồng đầu tiên
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn HĐBH	Giá trị Tài khoản Hợp đồng

Lưu ý:

- (1) Vui lòng tham khảo Chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung của Chubb Life tại mục IV. [THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG](#)
- (2) Điều kiện để được chi trả Quyền lợi Duy trì Hợp đồng: Trong suốt mỗi thời hạn 04 Năm hợp đồng xem xét chi trả quyền lợi này, HĐBH phải đáp ứng đủ tất cả các điều kiện sau đây:
 - HĐBH chưa từng bị mất hiệu lực;
 - Không có bất cứ giao dịch rút một phần từ Giá trị Tài khoản Cơ bản; và
 - Phí Bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ trong thời hạn 04 Năm hợp đồng đó.
- (3) Điều kiện để được chi trả Quyền lợi Duy trì Hợp đồng Đặc biệt: Trong suốt 10 Năm hợp đồng liền kề trước thời điểm xem xét chi trả quyền lợi này, HĐBH phải đáp ứng đủ tất cả các điều kiện sau đây:
 - HĐBH chưa từng bị mất hiệu lực;
 - Không có bất cứ giao dịch rút tiền từ Giá trị Tài khoản Cơ bản;
 - Không có bất cứ yêu cầu giảm Mệnh giá Bảo hiểm của Quyền lợi Bảo hiểm Cơ bản; và

Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả của các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Bảo hiểm chính.

IV. THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung

Quỹ Liên kết chung là quỹ được hình thành từ nguồn phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung. Quỹ Liên kết chung được tách riêng khỏi quỹ chủ sở hữu và các quỹ chủ hợp đồng khác của Chubb Life. Quỹ Liên kết chung được quản lý và đầu tư phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Nhằm đảm bảo quyền lợi của Bên mua Bảo hiểm, Chubb Life cam kết thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung đầu tư chủ yếu vào các kênh đầu tư có tính ổn định cao như: trái phiếu Chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; tiền gửi ngân hàng dài hạn; chứng chỉ quỹ; cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh; và một số kênh đầu tư ổn định khác. Chính sách đầu tư, mục tiêu và cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ Liên kết chung được cập nhật thường xuyên trên Trang tin điện tử trên mạng Internet (website) của Chubb Life.

Nội dung chi tiết về chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết chung của Chubb Life, Quý khách vui lòng tham khảo Điều 19 của Quy tắc và Điều khoản của Sản phẩm Kế hoạch Tài chính Tương lai.

2. Lãi suất công bố bình quân áp dụng cho Quỹ Liên kết chung của Chubb Life trong các năm qua:

Năm	Lãi suất công bố bình quân	Phí quản lý quỹ
2019	5,49%	2,00%
2020	5,16%	2,00%
2021	4,44%	1,69%
2022	4,20%	1,66%
2023	4,50%	1,73%

V. BẢNG MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

1. Trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí bảo hiểm		Phí ban đầu		Phí BH được phân bổ	Phí rủi ro		Phí quản lý hợp đồng
		Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản	Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng	Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản	Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng	Phân bổ vào GTTK Cơ bản	Lãi suất đảm bảo	Lãi suất giả định	
1	5	5.260	18.962	4.208	15.170	4.845	3.054	3.054	516
2	6	5.260	18.962	2.104	7.585	14.533	3.085	3.085	540
3	7	5.260	18.962	1.052	3.792	19.378	2.898	2.897	564
4	8	-	-	-	-	-	2.957	2.956	588
5	9	-	-	-	-	-	3.022	3.019	612
6	10	-	-	-	-	-	3.099	3.096	636
7	11	-	-	-	-	-	3.209	3.205	660
8	12	-	-	-	-	-	3.330	3.325	684
9	13	-	-	-	-	-	3.437	3.431	708
10	14	-	-	-	-	-	3.538	3.532	720
11	15	-	-	-	-	-	3.644	3.637	720
12	16	-	-	-	-	-	*	4.242	720
13	17	-	-	-	-	-		*	*

Lưu ý:

1. Minh họa về phân bổ Phí BH cho trường hợp BMBH chỉ đóng phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, chỉ bao gồm Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản và Phí BH cơ bản của (các) QL BH Gia tăng, không bao gồm Phí BH đóng thêm.
2. (*) HĐBH mất hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn 0.

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ Phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí BH được phân bổ		Phí rủi ro		Phí quản lý hợp đồng
		Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản	Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng	Phí BH đóng thêm	Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản	Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng	Phí BH đóng thêm	Phân bổ vào GTTK Cơ bản	Phân bổ vào GTTK Tích lũy	Lãi suất đảm bảo	Lãi suất giả định	
1	5	5.260	18.962	11.778	4.208	15.170	-	4.845	11.778	3.054	3.054	516
2	6	5.260	18.962	11.778	2.104	7.585	-	14.533	11.778	3.085	3.085	540
3	7	5.260	18.962	11.778	1.052	3.792	-	19.378	11.778	2.898	2.897	564
4	8	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	2.927	2.926	588
5	9	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	2.961	2.958	612
6	10	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	3.008	3.001	636
7	11	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	3.087	3.076	660
8	12	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	3.176	3.160	684
9	13	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	3.250	3.226	708
10	14	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	3.319	3.287	720
11	15	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	3.392	3.351	720
12	16	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	3.965	3.913	720
13	17	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	3.861	3.793	720
14	18	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	3.751	3.668	720
15	19	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	2.814	2.715	720
16	20	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	2.690	2.573	720
17	21	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	2.546	2.404	720
18	22	5.260	18.962	11.778	-	-	-	24.222	11.778	2.345	2.193	720
19	23	-	-	-	-	-	-	-	-	2.090	1.968	720
20	24	-	-	-	-	-	-	-	-	1.761	1.670	720
21	25	-	-	-	-	-	-	-	-	1.372	1.315	720

Lưu ý: (*) HĐBH mất hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn 0.

VI. MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI SẢN PHẨM VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT

1. Trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH 1	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO			
		LÃI SUẤT ĐẢM BẢO				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH			
		QLBH Cơ bản	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	QLBH Cơ bản	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại
1	5	500.000	-	1.362	-	500.000	-	1.406	-
2	6	500.000	-	12.689	-	500.000	-	12.945	-
3	7	500.000	-	29.512	5.290	500.000	-	30.233	6.011
4	8	500.000	-	26.521	8.354	500.000	-	27.968	9.801
5	9	500.000	-	23.379	11.267	500.000	-	25.508	13.397
6	10	500.000	-	19.964	13.909	500.000	-	22.834	16.779
7	11	500.000	-	16.364	16.364	500.000	-	19.904	19.904
8	12	500.000	-	12.564	12.564	500.000	-	16.696	16.696
9	13	500.000	-	8.574	8.574	500.000	-	13.209	13.209
10	14	500.000	-	4.411	4.411	500.000	-	9.449	9.449
11	15	500.000	-	68	68	500.000	-	5.411	5.411
12	16	HDBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0				500.000	-	573	573
13	17					HDBH mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn 0			

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng số năm đóng phí:	3 năm	Tổng số phí đóng:	72.667.200 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất giả định):	0 đồng		
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất đảm bảo):	0 đồng		

Lưu ý: Minh họa về Quyền lợi Sản phẩm cho trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, và chỉ bao gồm Phí BH cơ bản của QL BH Cơ bản và Phí BH cơ bản của (các) QL BH Gia tăng, không bao gồm Phí BH đóng thêm.

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ Phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH 1	QUYỀN LỢI ĐẢM BẢO				QUYỀN LỢI KHÔNG ĐẢM BẢO				Rút tiền
		LÃI SUẤT ĐẢM BẢO				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH				
		QLBH Cơ bản	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	QLBH Cơ bản	Quyền lợi khác	Giá trị Tài khoản Hợp đồng	Giá trị hoàn lại	
1	5	512.131	-	13.493	12.131	512.308	-	13.714	12.308	-
2	6	524.626	-	37.315	24.626	525.169	-	38.114	25.169	-
3	7	537.496	-	67.007	42.785	538.609	-	68.842	44.620	-
4	8	550.576	560	102.081	83.914	553.216	1.006	106.981	88.814	-
5	9	563.601	-	137.230	125.119	567.918	-	145.759	133.648	-
6	10	576.509	-	172.156	166.100	583.282	-	186.214	180.158	-
7	11	589.611	-	207.501	207.501	599.337	-	228.388	228.388	-
8	12	603.437	1.202	244.474	244.474	617.709	3.619	276.000	276.000	-
9	13	616.942	-	280.691	280.691	635.314	-	322.012	322.012	-
10	14	630.651	-	317.370	317.370	653.710	-	370.018	370.018	-
11	15	643.853	-	352.770	352.770	672.935	-	420.120	420.120	-
12	16	657.855	1.628	389.586	389.586	695.871	6.860	478.817	478.817	-
13	17	671.329	-	425.235	425.235	716.992	-	533.362	533.362	-
14	18	684.938	-	461.353	461.353	739.065	-	590.490	590.490	-
15	19	698.683	-	498.774	498.774	762.130	-	651.164	651.164	-
16	20	713.331	1.912	538.620	538.620	790.597	10.761	725.561	725.561	-
17	21	727.360	-	577.083	577.083	815.981	-	792.632	792.632	-
18	22	741.529	-	616.131	616.131	862.937	-	862.937	862.937	-
19	23	719.479	-	619.468	619.468	899.017	-	899.017	899.017	-
20	24	698.092	2.419	625.604	625.604	952.207	15.069	952.207	952.207	-
21	25	675.609	-	629.756	629.756	959.683	-	959.683	959.683	-

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

Tổng số năm đóng phí (dự kiến):	18 năm	Tổng số phí đóng (dự kiến):	648.000.000 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất giả định):	959.683.000 đồng	Tổng số tiền mặt rút (dự kiến):	0 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất đảm bảo):	629.756.400 đồng		

Ghi chú:

- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Các lãi suất giả định trên chỉ mang tính chất minh họa.
- Lãi suất đảm bảo:** là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHD, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung.

Năm hợp đồng	Từ năm 1 đến năm 3	Năm 4 và năm 5	Từ năm 6 đến năm 10	Từ năm 11 trở đi
Lãi suất tối thiểu/năm	3%	2%	1,5%	1%

- Lãi suất giả định** được minh họa như sau:
 - Trong 20 Năm hợp đồng đầu tiên: lãi suất giả định được minh họa là 4,5%/năm
 - Từ Năm hợp đồng thứ 21: theo quy định của Bộ Tài chính thì lãi suất giả định được minh họa bằng mức lãi suất đảm bảo là 1%/năm.
- Tại năm HDBH Người được bảo hiểm đạt 75 tuổi, giá trị minh họa của Quyền lợi khác bao gồm Quyền lợi Duy trì Hợp đồng (nếu có).

VII. GIẢI THÍCH CÁC LOẠI CHI PHÍ KHẤU TRỪ VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN**Phí ban đầu**

Là khoản phí được khấu trừ từ số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

Năm hợp đồng	1	2	3	4+
% của Phí BH cơ bản	80%	40%	20%	0%
% của Phí BH đóng thêm	0%	0%	0%	0%

Phí Bảo hiểm được phân bổ

Là khoản phí phân bổ từ số tiền thực đóng sau khi trừ đi Phí ban đầu. Phí Bảo hiểm được phân bổ được nhập vào Quỹ Liên kết chung để đầu tư.

Khoản Khấu trừ hàng tháng

Là khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHĐ (bao gồm Phí rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng). Trong đó: **Phí rủi ro là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của NĐBH khi tham gia (các) QL BH. Phí Quản lý hợp đồng là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực HĐBH và cung cấp thông tin liên quan đến HĐBH. Phí Quản lý hợp đồng là 42.000 đồng/tháng trong năm 2024 và được tự động điều chỉnh vào ngày 01/01 hàng năm với mức tăng là 2.000 đồng/tháng so với mức cố định của năm liền trước. Việc điều chỉnh tăng này sẽ chấm dứt khi Phí Quản lý hợp đồng là 60.000 đồng/tháng.**

Phí Quản lý quỹ

Là khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên Kết Chung. Phí Quản lý quỹ tối đa là 2%/năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận.

Phí chấm dứt hợp đồng

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt HĐBH trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản cuối Năm hợp đồng đầu tiên như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7+
% của Phí BH cơ bản cuối Năm hợp đồng đầu tiên	100%	75%	50%	25%	0%

Phí rút tiền từ GTTKHĐ

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH rút một phần GTTK Cơ bản trong 06 Năm hợp đồng đầu tiên và được xác định bằng 3% tính trên tổng số tiền rút từ GTTK Cơ bản.

Giá trị Hoàn lại

Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt HĐBH. Giá trị Hoàn lại được xác định bằng GTTK Cơ bản trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng, cộng với GTTK Tích lũy.

VIII. TÓM TẮT CÁC TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

❖ Đối với Quyền lợi Bảo hiểm cơ bản

- Tự tử trong vòng 24 tháng từ Ngày hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm gần nhất (nếu có);
- Nhiễm HIV, bị AIDS, hoặc những bệnh liên quan đến HIV/AIDS;
- Sử dụng trái phép ma túy hoặc các chất gây nghiện khác;
- Do hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết tại Điều 15.1 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Tương lai.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

- Tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng;
- Do hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Tình trạng tồn tại trước.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết tại Điều 15.2 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Tương lai.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm Tử vong hoặc Tàn tật do Tai nạn Mở rộng

- Tham gia đấu đá, đánh nhau;
- Do ảnh hưởng của ma túy, các chất kích thích khác, tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Tham gia vào các hoạt động thể thao chuyên nghiệp;
- Chạy xe quá tốc độ hoặc điều khiển/tham gia điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn;
- Do hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Tình trạng tồn tại trước;
- Các trường hợp khác như được quy định chi tiết tại Điều 15.3 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Tương lai.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm theo Mức độ cho Bệnh Nan Y

- Các bệnh lý bẩm sinh;
- Tình trạng tồn tại trước hoặc Bệnh Nan Y được chẩn đoán trong thời gian hoãn áp dụng;
- Các trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại danh sách các Bệnh Nan Y được bảo hiểm;
- Do hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Các trường hợp khác như được quy định chi tiết tại Điều 15.4 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Tương lai.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng

- Tham gia đấu đá, đánh nhau;
- Chạy xe quá tốc độ hoặc điều khiển/tham gia điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn;
- Điều trị liên quan đến thai sản, mắt và/hoặc tai, hoặc điều trị nha khoa ngoại trừ do Tai nạn;
- Điều trị các bệnh/rối loạn tâm thần hay rối loạn tâm lý hay các rối loạn về giấc ngủ;
- Bệnh hoặc tình trạng bất thường do bẩm sinh, di truyền;
- Tình trạng tồn tại trước hoặc bệnh trong thời gian hoãn áp dụng;
- Các trường hợp khác như được quy định chi tiết tại Điều 15.5 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Tương lai.

❖ Đối với Quyền lợi bảo hiểm khi Người giám hộ Tử vong

- Tự tử trong vòng 24 tháng từ Ngày hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm hoặc Ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm gần nhất (nếu có);
- Nhiễm HIV, bị AIDS, hoặc những bệnh liên quan đến HIV/AIDS;
- Sử dụng trái phép ma túy hoặc các chất gây nghiện khác;
- Do hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

Quý khách vui lòng xem nội dung chi tiết tại Điều 15.1 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Tương lai.

❖ Quyền lợi bảo hiểm khi Người giám hộ bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc mắc Bệnh Nan Y**1. Trường hợp bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn**

- Tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng;
- Tình trạng tồn tại trước;
- Do hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

2. Trường hợp mắc Bệnh Nan Y

- Bệnh bẩm sinh;
- Tình trạng tồn tại trước hoặc Bệnh Nan Y được chẩn đoán trong thời gian hoãn áp dụng;
- Các trường hợp loại trừ bảo hiểm quy định tại danh sách các Bệnh Nan Y được bảo hiểm;
- Do hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Các trường hợp khác như được quy định chi tiết tại Điều 15.2 và 15.4 Bản Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm Kế hoạch Tài chính Tương lai.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM:

- ✓ Tôi/Chúng tôi đã được Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) có tên dưới đây phân tích nhu cầu và khả năng tài chính và tư vấn đầy đủ về Quy tắc & Điều khoản, quyền lợi bảo hiểm, các trường hợp loại trừ bảo hiểm của Sản phẩm Bảo hiểm chính và Sản phẩm Bảo hiểm bổ sung (nếu có) trong tài liệu minh họa này.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính Tương lai cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đã hiểu toàn bộ nội dung tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, hiểu rõ về Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư, các quyền lợi khác và các trường hợp loại trừ bảo hiểm khi tham gia Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Tương lai là một cam kết dài hạn và việc hủy bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Tôi/Chúng tôi phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng Bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực khi Phí Bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ vào ngày đến hạn đóng phí trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng "0" đồng.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng các quyền lợi được minh họa tại Tài liệu minh họa này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư.

Bên mua Bảo hiểm

(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN KINH DOANH:

Tôi cam đoan và xác nhận đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho BMBH có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa này và các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm